

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÁ THƯỚC
TỈNH THANH HÓA**

Bản án số: 39/2017/HSST

Ngày 29 tháng 11 năm 2017

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÁ THƯỚC TỈNH THANH HÓA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Đại Long

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà: Trương Thị Quý
2. Ông: Nguyễn Văn Đàn

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hải Vân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Ông Lê Đình Thuật - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 37/2017/HSST ngày 13 tháng 11 năm 2017, Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2017/HSST-QĐ ngày 15/11/2017, đối với bị cáo:

Hà Văn L, sinh năm 1988; Nơi ĐKKHKT và cư trú: Thôn Muồng D, xã Điền Tr, huyện Bá T, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Dân tộc: Mường; Quốc tịch: Việt Nam; Trình độ văn hóa: 8/12; Vợ: Sống chung như vợ chồng với chị H.Nhi Buôn T sinh năm 1995; có con Hà Tô Anh T, sinh năm 2017; Con ông: Hà Văn C (đã chết), con bà Bùi Thị D, sinh năm 1963; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Về nhân thân ngày 09/12/2008 bị Tòa án nhân dân huyện Bá T tuyên phạt 36 tháng tù về tội cố ý gây thương tích, ngày 30/8/2010 được đặc xá. Bị bắt tạm giữ từ ngày 25/9/2017, tạm giam từ ngày 04/10/2017, có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo là: Trịnh Văn Thịnh Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Thanh Hóa. Chi nhánh số 3 (có mặt).

Người bị hại: Ông Bùi Xuân C, sinh năm 1956 (có mặt).

Nơi cư trú: Thôn Muồng D, xã Điền Tr, huyện Bá T, tỉnh Thanh Hóa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Bà Bùi Thị D, sinh năm 1963 (có mặt).

Nơi cư trú: Thôn Muồng D, xã Điền Tr, huyện Bá T, tỉnh Thanh Hóa.

2. Chị Nguyễn Thị Phương D, sinh năm 1995 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Thôn Muồng D, xã Điền Tr, huyện Bá T, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 07 giờ 30 phút ngày 25/9/2017, Hà Văn L sinh năm 1988 ở thôn Muồng D, xã Điền Tr, huyện Bá T, tỉnh Thanh Hóa đến nhà ông Bùi Xuân C sinh năm 1956 ở cùng thôn để trả tiền nợ. Khi đến nhà ông C, L thấy một cửa ra vào khóa bên ngoài, một cửa chốt bên trong không có ai ở nhà nên nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. L lấy một cuốc chim ở ngay mép sân trước nhà bấp dùng cây phá chớp cửa ra vào được làm bằng gỗ của cửa có chốt bên trong tạo thành một lỗ hổng, rồi thò tay vào trong rút chốt cửa, mở cửa vào trong nhà trộm cắp tài sản. Sau khi lục hai tủ đựng quần áo kê ở phòng khách nhưng không tìm được gì, L thấy có một chùm chìa khóa đang cắm ở ổ khóa trên cánh tủ bên trái của tủ đựng quần áo, nên đã lấy chùm chìa khóa đến mở cánh tủ bên phải của chiếc tủ ly đang kê ở phòng khách đối diện với cửa ra vào. Mở tủ ra L nhìn thấy có hộp carton màu đen, L lấy ra đặt lên ghế rồi mở hộp carton thì thấy, phía trên là tệp giấy tờ, phía dưới có ba tệp tiền mệnh giá là 500.000đ (năm trăm nghìn đồng), 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) và 100.000đ (một trăm nghìn đồng), Lâm gom thành một tệp rồi nhét vào bên trong quần phía trước đi về nhà. Về đến nhà L đem tệp tiền có mệnh giá 500.000đ giấu vào trong chăn đang gấp để ở kệ phía cuối giường trong phòng ngủ của mình. Còn lại tệp tiền 200.000đ và 100.000đ thì L đem đi tiêu sài cá nhân và trả nợ. Khoảng 20 giờ cùng ngày, L

đến Công an huyện Bá T để đầu thú, khai nhận toàn bộ hành vi trộm cắp của mình, đồng thời nộp 2.000.000đ cho Cơ quan Công an, sau đó L nộp số tiền 49.500.000đ. Quá trình điều tra xác định bị cáo đã sử dụng số tiền trộm cắp được để tiêu sài cá nhân và trả nợ là 8.400.000đ gồm : Trả nợ cho anh Trần Văn T 300.000đ; trả nợ tiền mua điện thoại của anh Nguyễn Hoàng L 1.200.000đ gia đình bị cáo đã trả lại điện thoại lại cho anh Nguyễn Hoàng L nên anh L không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thêm gì; bị cáo đã trả 1.800.000 cho chị Nguyễn Thị Phương D để chuộc lại điện thoại mà đã mua của anh Nguyễn Hoàng L, gia đình bị cáo có thỏa thuận với chị D để trả nợ thay, chị D đã đồng ý và không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thêm gì; mẹ bị cáo bà Bùi Thị D tự nguyện bồi thường thay cho bị cáo số tiền 5.100.000đ số tiền bị cáo đã tiêu sài cá nhân và không yêu cầu bị cáo phải trả lại cho bà, tất cả số tiền gia đình tự nguyện trả nợ cho bị cáo bị cáo không biết; Tất cả số tiền này đã được cơ quan công an thu lại. tổng số tiền L nhận đã trộm cắp của nhà ông Bùi xuân C là 59.900.000đ.

Cơ quan Cảnh sát điều tra đã thu giữ được 01 (một) chùm chìa khóa bằng kim loại gồm 02 (hai) chìa khóa có nhiều vết gỉ sét; 01(một) cuốc chim cán tre dài 55cm; cuốc có 02 (hai) lưỡi, một lưỡi dài 16cm, rộng 4,5 cm; một lưỡi dài 20cm, rộng 5,5cm; 01(một) miếng gỗ dài 14,5 cm, phần rộng nhất 5,5cm, hẹp nhất 4,5cm, dày 0,7cm; tất cả đồ vật đã qua sử dụng.

Theo lời khai của người bị hại thì bị mất số tiền là 100.000.00đ (một trăm triệu đồng). Cơ quan cảnh sát điều tra đã chứng minh và thu giữ được số tiền là 59.900.000đ, số tiền còn lại 40.100.000 chưa có đủ căn cứ chứng minh.

Ngày 02/11/2017 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Bá T đã trả số tiền 59.900.000đ cho ông Bùi Xuân C là chủ sở hữu hợp pháp theo quyết định xử lý vật chứng số 64/CSĐT ngày 01/11/2017. Ông C không có thắc mắc gì, không cần yêu cầu bị cáo phải bồi thường thêm gì và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Hà Văn L khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã nêu.

Cáo trạng số: 40/CT-VKS-KT, ngày 10/11/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bá T, tỉnh Thanh Hóa đã truy tố Hà Văn L về tội “Trộm cắp tài sản”, theo điểm e khoản 2 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bá T giữ nguyên quyết định truy tố như cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố: bị cáo Hà Văn L phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng: Điểm e, khoản 2 Điều 138; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 33 Bộ luật Hình sự. Đề nghị xử phạt bị cáo: Từ 36 đến 42 tháng tù giam.

Xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 2 Điều 41 BLHS; điểm b khoản 2 Điều 76 BLTTHS, đề nghị công nhận cơ quan điều tra đã trả 59.900.000đ cho ông C. Đề nghị trả lại cho ông C toàn bộ số vật chứng hiện đang lưu trữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bá T. Việc bị cáo nợ mọi người, đây là vấn đề cá nhân của bị cáo, tự các bên thỏa thuận đề nghị HĐXX miễn xét.

Án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 99 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Người bào chữa cho bị cáo có quan điểm như sau: Đồng tình với quan điểm truy tố của Viện kiểm sát về tội danh cũng như các tình tiết giảm nhẹ, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 47 BLHS cho bị cáo hưởng khoản 1 Điều 138 BLHS tuyên mức án từ 18 đến 24 tháng tù.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo cảm thấy việc mình làm sai trái pháp luật nên xin HĐXX cho bị cáo mức án thấp nhất để sớm được về với vợ con, con bị cáo còn nhỏ bị cáo muốn lo cho vợ con và gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, người bào chữa trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng đã thực hiện hợp pháp.

[2] Hành vi của bị cáo Hà Văn L là dùng cuộc chim cây phá chớp cửa ra vào làm bằng gỗ của cửa có chốt bên trong tạo thành một lỗ hổng, thò tay vào trong rút chốt cửa vào nhà trong nhà, rồi lục các tủ nhà ông C trộm cắp được 59.900.000đ (năm mươi chín triệu chín trăm nghìn đồng).

Hành vi của bị cáo phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, biên bản đầu thú, báo cáo của người bị hại và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Như vậy Hội đồng xét xử xét thấy đã có đủ cơ sở kết luận bị cáo Hà Văn L phạm tội “Trộm cắp tài sản” tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm e khoản 2 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Vụ án thuộc loại tội phạm nghiêm trọng, tính chất và mức độ, hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo. Hành vi phạm tội của bị cáo nguy hại lớn cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân và trực tiếp xâm phạm đến tình hình an ninh trật tự trên địa bàn. Bị cáo có nhận thức đầy đủ về tính chất nguy hiểm cũng như hậu quả của hành vi do mình thực hiện, nhưng vẫn cố ý thực hiện tội phạm nên phạm tội do lỗi cố ý trực tiếp. Động cơ và mục đích của bị cáo là muốn có tiền để tiêu xài cá nhân và trả nợ.

Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo không có; Về nhân thân bị cáo, Về nhân thân ngày 09/12/2008 bị Tòa án nhân dân huyện Bá T tuyên phạt 36 tháng tù về tội cố ý gây thương tích, ngày 30/8/2010 được đặc xá. Cần phải xử phạt tù bị cáo, nhằm giáo dục, cải tạo người phạm tội trở thành người tốt.

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo: Khi lượng hình phạt cũng cần xem xét giảm hình phạt cho bị cáo vì sau khi bị bắt và tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã thành khẩn khai báo; bị cáo đã tự nguyện khắc phục hậu quả là đã đem 2.000.000đ đến cơ quan Công an đầu thú và giao lại 49.500.000đ cất giấu ở nhà; ngày phạm tội bị cáo ra đầu thú, trong hồ sơ và tại phiên tòa người bị hại đã xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; mẹ đẻ bị cáo đã tự nguyện bồi thường thay cho bị cáo; cần áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999. Theo đề nghị của Viện kiểm sát về mức hình phạt đối với bị cáo là phù hợp với hành vi mà bị cáo đã thực hiện.

Hành vi trộm cắp tài sản của bị cáo nhằm mục đích có tiền tiêu xài cá nhân và trả nợ, bị cáo thuộc diện gia đình khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Về bồi thường thiệt hại: Ngày 02/11/2017 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Bá T đã trả số tiền 59.900.000đ cho ông Bùi Xuân C là chủ sở hữu hợp pháp theo quyết định xử lý vật chứng số 64/CSĐT ngày 01/11/2017, ông C đã nhận đủ, không có thắc mắc gì và không yêu cầu bị cáo phải bồi thường dân sự

thêm gì. Bà Bùi Thị D không yêu cầu con của mình phải trả lại số tiền mà bà đã bồi thường hộ cho L. Chị Nguyễn Thị D không yêu cầu bị cáo phải bồi thường. Các bên tự nguyện thỏa thuận không trái pháp luật, đạo đức xã hội. Hội đồng xét xử miễn xét.

Những người gồm Trần Văn T; Nguyễn Hoàng L; Nguyễn Thị Phương D, tất cả được bị cáo trả nợ cá nhân bằng số tiền do phạm tội mà có, do mọi người không ai biết số tiền này do bị cáo phạm tội mà có và đã nộp lại cho cơ quan Công an nên Hội đồng xét xử miễn xét. Người nào muốn đòi nợ bị cáo tiếp thì khởi kiện bằng vụ án dân sự khác.

Về xử lý vật chứng:

Cơ quan quan điều tra đã thu giữ gồm: 01 (một) chùm chìa khóa bằng kim loại gồm 02 (hai) chìa khóa có nhiều vết gỉ sét; 01 (một) cuốc chim cán tre dài 55cm; cuốc có 02 (hai) lưỡi, một lưỡi dài 16cm, rộng 4,5 cm; một lưỡi dài 20cm, rộng 5,5cm; 01 (một) miếng gỗ dài 14,5 cm, phần rộng nhất 5,5cm, hẹp nhất 4,5cm, dày 0,7cm; tất cả đồ vật đã qua sử dụng, gia đình người bị hại yêu cầu trả lại tài sản nên trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là ông Bùi xuân C.

Về án phí: Bị cáo Hà Văn L phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo: Hà Văn L phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng: Điểm e khoản 2 Điều 138; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 33 Bộ luật Hình sự năm 1999

Xử phạt bị cáo: Hà Văn L 42 (bốn hai) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày tạm giữ là ngày 25 tháng 9 năm 2017. Tiếp tục tạm giam bị cáo thời hạn là 45 ngày (bốn mươi lăm ngày) để bảo đảm cho việc thi hành án phạt tù.

Về bồi thường thiệt hại: Không buộc bị cáo phải bồi thường gì thêm.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003.

Xử: Trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là ông Bùi Xuân C toàn bộ vật chứng gồm 01 (một) chùm chìa khóa bằng kim loại gồm 02 (hai) chìa khóa có nhiều vết gỉ sét; 01 (một) cuốc chim cán tre dài 55cm; cuốc có 02 (hai) lưỡi, một lưỡi dài 16cm, rộng 4,5 cm; một lưỡi dài 20cm, rộng 5,5cm; 01 (một) miếng gỗ dài 14,5 cm, phần rộng nhất 5,5cm, hẹp nhất 4,5cm, dày 0,7cm; tất cả đồ vật đã qua

sử dụng. Toàn bộ vật chứng hiện đang lưu giữ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bá T theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số 01 ngày 14/11/2017.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 99 Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo: Hà Văn L phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày 29 tháng 11 năm 2017. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại trụ sở chính quyền xã nơi cư trú.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa;
- Sở Tư pháp tỉnh Thanh Hóa;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Bá T;
- Công an huyện Bá T, Công an trại giam;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bá Thước;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã Ký)

Vũ Đại Long